

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/DS-PT  
Ngày 08-9-2022  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

*Các Thẩm phán:* Bà Ngô Thị Bích Diệp

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 193/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Cụ Nguyễn Thị N, chết ngày 08/8/2020.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ N:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955; địa chỉ: Số A, tổ C, khu phố H, đường C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Đào Hải L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số G, H, khu phố G, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số D, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2021), có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1949; địa chỉ: Số Z, đường C, tổ L, khu phố V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955; địa chỉ: Số A, tổ C, khu phố H, đường C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn cụ Nguyễn Thị N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1926, chết ngày 08/8/2020 (Giấy chứng tử số 36 ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường P). Cụ N có chồng là cụ Nguyễn Văn R, sinh năm 1928, chết năm 1978 (theo Giấy chứng tử số 26 ngày 25/7/1978 của Ủy ban nhân dân phường P). Cụ R và cụ N có 02 người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950, chết ngày 18/3/2015 (Giấy chứng tử số 15 cấp ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân phường P). Bà N1 có chồng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1949. Ông C và bà N1 không có con chung, bà N1 cũng không có con riêng, con nuôi nào khác.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955.

Ngoài 02 người con trên thì cụ N, cụ R không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ của cụ N, cụ R đã chết từ lâu nên không xác định được năm sinh, năm mất.

Bà Nguyễn Thị N1 chết có để lại di sản sau:

- Diện tích đất 313,5m<sup>2</sup> (có kết quả đo đạc thực tế là 343,7m<sup>2</sup>), không có sổ thừa, sổ tờ bản đồ tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 426QSĐĐ/PT do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 06/02/1998 cho bà Nguyễn Thị N1. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị N tặng cho bà Nguyễn Thị N1. Trên phần đất này có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> do vợ chồng bà N1, ông C xây dựng.

- Diện tích đất 587m<sup>2</sup> và 256m<sup>2</sup> đất hành lang lộ giới (đo đạc thực tế là 754,4m<sup>2</sup>, trong đó đất hàng lang đường bộ là 134,2m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00288 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N1. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị N cho bà Nguyễn Thị N1. Trên phần đất này, chỉ trồng chuối và một số cây tự mọc, không có tài sản gì khác. Mặc dù đất cấp cho hộ bà N1 nhưng đây là đất có nguồn gốc do mẹ ruột bà N1 cho bà N1.

Bà N1 chết không để lại di chúc nên nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị N yêu cầu chia di sản thừa kế đối với khối di sản bà N1 để lại theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương tương đương với phần mà cụ N được hưởng và đồng ý giao toàn bộ nhà, đất tại phường P cho ông C. Hiện nay, cụ N đã chết nên yêu cầu Tòa án giao cho người thừa kế duy nhất của cụ N là ông Nguyễn Văn S được nhận phần thừa kế của cụ N. Đối với các cây trồng trên đất nguyên đơn không tranh chấp ai được giao đất sẽ được hưởng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về phần quan hệ nhân thân và huyết thống của cụ Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N1.

Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1926, chết ngày 08/8/2020 (Giấy chứng tử số 36 ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường P). Cụ N có chồng là cụ Nguyễn Văn R, sinh năm 1928, chết năm 1978 (theo Giấy chứng tử số 26 ngày 25/7/1978 của Ủy ban nhân dân phường P). Cụ R và cụ N có 02 người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950, chết ngày 18/3/2015 (theo Giấy chứng tử số 15 cấp ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân phường P);
2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955.

Ngoài 02 người con trên thì cụ N, cụ R không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ của cụ N, cụ R đã chết từ lâu nên không xác định được năm sinh, năm mất.

Ông C là chồng của bà Nguyễn Thị N1. Ông và bà N1 kết hôn năm 1981, quá trình chung sống thì không có con chung, bà N1 cũng không có con riêng, con nuôi nào khác.

- Diện tích đất 313,5m<sup>2</sup> (có kết quả đo đạc thực tế là 343,7m<sup>2</sup>), không có sổ thừa, sổ tờ bản đồ tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất là của bà N1 và ông C nhận chuyển nhượng của ông Cao Văn M vào năm 1981. Đến năm 1990, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp Quyết định giao đất và thu hồi đất số 879/QĐ/UB ngày 09/5/1990. Ngày 06/02/1998, được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 426QSDĐ/PT cho bà Nguyễn Thị N1. Trên phần đất này có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 78m<sup>2</sup> do vợ chồng ông xây dựng năm 1981. Sau khi bà N1 chết thì nhà đất do ông C quản lý, sử dụng cho đến nay. Từ khi bà N1 chết đến nay ông không sửa chữa, tôn tạo gì đối với nhà đất.

- Diện tích đất 587m<sup>2</sup> và 256m<sup>2</sup> đất hành lang lộ giới (có kết quả đo đạc thực tế là 754,4m<sup>2</sup>, trong đó đất hàng lang đường bộ là 134,2m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00288 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N1. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị N cho năm 2005. Khi cấp đất hộ gia đình chỉ có ông và bà N1, do cho trong thời kỳ hôn nhân nên là của vợ chồng ông. Trên phần đất này chỉ trồng một số cây chuối hột và một số cây trồng khác như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Từ sau khi bà N1 chết thì ông C quản lý, sử dụng phần đất này, không xây dựng, tôn tạo gì đối với đất.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của cụ N thì ông C yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản là nhà và đất tọa lạc tại phường P. Đối với phần đất tại phường H, thị xã B thì ông đồng ý trả giá trị bằng tiền tương đương với phần của cụ N được hưởng. Đối với các cây trồng trên đất nguyên đơn không tranh chấp ai được giao đất sẽ được hưởng các tài sản gắn liền với đất.

Ông là người chôn cất và thờ cúng bà N1 nên ông yêu cầu tính công sức cho ông theo quy định của pháp luật. Do ông không còn giữ giấy tờ liên quan đến việc mai táng bà N1 nên ông không biết chi phí hết bao nhiêu nên tùy Tòa án quyết định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C về việc chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích đất có kết quả đo đạc thực tế 343,7m<sup>2</sup> (trong đó 313,5m<sup>2</sup> đất ở và 30,2m<sup>2</sup> đất CLN) cùng giá trị căn nhà cấp 4 có diện tích 77,6m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất diện tích đất có kết quả đo đạc thực tế 754,4m<sup>2</sup> (trong đó 134,2m<sup>2</sup> đất HLATĐB và 150m<sup>2</sup> đất ở, đất CLN diện tích 470,2m<sup>2</sup>).

+ Xác định di sản của bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950, chết ngày 18/3/2015 theo Giấy chứng tử số 15 ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để lại có tổng giá trị thành tiền là 4.311.340.800 đồng (bốn tỷ ba trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

+ Xác định hàng thừa kế hàng thứ nhất của bà Nguyễn Thị N1 gồm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N mỗi kỹ phần thừa kế được nhận số tiền là 2.155.670.400 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

- Giao toàn bộ quyền sử dụng đất có kết quả đo đạc thực tế 343,7m<sup>2</sup> (trong đó 313,5m<sup>2</sup> đất ở và 30,2m<sup>2</sup> đất CLN) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 426QSDĐ/PT do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/02/1998 cho bà Nguyễn Thị N1, đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích 77,6m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất và quyền sử dụng đất diện tích đất đo đạc thực tế 754,4m<sup>2</sup> (trong đó 134,2m<sup>2</sup> đất HLATĐB và 150m<sup>2</sup> đất ở, đất CLN diện tích 470,2m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00288 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/9/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị N1 tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn C được toàn quyền quản lý sử dụng. *(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*.

Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 426QSDĐ/PT do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/02/1998 cho bà Nguyễn Thị N1 và kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã B thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00288 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/9/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị N1 để cấp lại quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C theo đúng quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 2.155.670.400 đồng (hai tỷ một trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/6/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 19/2021/DS-PT ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Lý do hủy bản án sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ diện tích tăng thêm 30,2m<sup>2</sup>, loại đất và giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tính công sức đóng góp cho ông C 20% là chưa đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng đất diện tích đất có kết quả đo đạc thực tế 343,7m<sup>2</sup> (trong đó 313,5m<sup>2</sup> đất ở và 30,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 426/QSDĐ/PT do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/02/1998 cho bà Nguyễn Thị N1.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 426/QSD UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/02/1998 cho bà Nguyễn Thị N1 để cấp lại cho ông Nguyễn Văn C.

1.2. Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng diện tích đất 382,97m<sup>2</sup> (đất ở là 75m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm là 307,97m<sup>2</sup>) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được chia thuộc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khu đất có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần đất ông S được chia;
- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Tài;
- Hướng Đông giáp đường ĐT 741;
- Hướng Tây giáp đất ông Đứng.

(Vị trí A trên sơ đồ giải quyết tranh chấp)

1.3. Ông Nguyễn Văn S được sử dụng diện tích đất 237,23m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 75m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm là 162,23m<sup>2</sup>) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được chia thuộc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khu đất có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp đất ông Trung;
- Hướng Nam giáp phần đất ông C được chia;
- Hướng Đông giáp đường ĐT 741;
- Hướng Tây giáp đất ông Đứng.

(Vị trí B trên sơ đồ giải quyết tranh chấp)

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00288 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/9/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị N1 để cấp lại cho ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/4/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Những thiếu sót trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của lần xét xử sơ thẩm thứ nhất đã được Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, thu thập đầy đủ nên có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là tài sản chung của bà N1 và ông C. Do bà N1 chết không để lại di chúc nên  $\frac{1}{2}$  tài sản của bà N1 trong khối tài sản chung với ông C trở thành di sản và được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là cụ N và ông C.

Ông C kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức gìn giữ di sản cho ông C 5% là không thỏa đáng. Xét thấy, tại bản án phúc thẩm lần thứ nhất đã xác định việc tính công sức gìn giữ cho ông C từ khi bà N1 chết đến khi có tranh chấp. Sau khi thụ lý lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức gìn giữ cho ông C 5% là phù hợp theo quy định.

Đối với các nội dung kháng cáo của ông C cho rằng cụ N chết thì chấm dứt quyền thừa kế của cụ N; cụ N khi còn sống đã chuyển nhượng nhiều lần các tài sản của cụ N và cụ R; ông S không được hưởng thừa kế từ cụ N, những nội dung kháng cáo trên không phù hợp theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tài sản tranh chấp gồm diện tích đất 313,5m<sup>2</sup> (có kết quả đo đạc thực tế là 343,7m<sup>2</sup>) và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất có diện tích 77,6m<sup>2</sup> tại Số Z, đường C, tổ L, khu phố V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 426QSDĐ/PT do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/02/1998 cho bà Nguyễn Thị N1 và diện tích đất 587m<sup>2</sup>

(có kết quả đo đạc thực tế 754,4m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 25 tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00288 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/9/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị N1.

[3] Căn cứ theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện diện tích đất 343,7m<sup>2</sup> có nguồn gốc của ông Cao Văn M chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn C. Đối với diện tích đất 754,4m<sup>2</sup> có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị N lập hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị N1 trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N1 và ông C. Đồng thời, các đương sự đều thừa nhận tài sản tranh chấp là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn C nên có cơ sở xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn C.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 343,7m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích 77,6m<sup>2</sup> và diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 754,4m<sup>2</sup> là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn C nên mỗi người được quyền sở hữu  $\frac{1}{2}$  là có căn cứ.

[5] Cụ Nguyễn Thị N (chết ngày 08/8/2020) và cụ Nguyễn Văn R (chết năm 1978) có 02 người con là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N1 (chết năm 2015) có chồng là ông Nguyễn Văn C.

Bà Nguyễn Thị N1 chết không để lại di chúc nên tài sản của bà N1 thuộc về hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C. Do bà N1 chết nên hàng thừa kế thứ nhất của bà N là ông S được hưởng thừa kế đối với phần bà N được hưởng từ bà N1 theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông C kháng cáo cho rằng bà N không có quyền chia thừa kế đối với chính tài sản bà N đã tặng cho bà N1; bà N1 đã chết nên quyền thừa kế của bà N1 đã chấm dứt và ông S không được hưởng thừa kế là không có căn cứ.

[6] Về công sức đóng góp, ông C cho rằng ông có công sức tạo dựng và gìn giữ nhà đất hơn 40 năm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức cho ông 5% là không phù hợp. Xét thấy, bà N1 chết năm 2015, từ thời điểm bà N1 chết đến khi tranh chấp xảy ra, ông C không đầu tư hay tôn tạo gì khác đối với tài sản tranh chấp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức cho ông C 5% trên tổng giá trị tài sản thuộc sở hữu của bà N1 là phù hợp.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mộng Tuyết**